

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1018/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1972 (có mặt)

Căn cước công dân số xxxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

Thường trú: phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Lê H1 - sinh năm 1970 (vắng mặt)

Thường trú: phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị H trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà và ông Lê H1 tự nguyện chung sống có tổ chức hỏi cưới vào năm 1993 và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H2, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn ông bà chung sống không hạnh phúc do ông H1 thường chửi bới, xúc phạm bà nhưng bà vẫn cố gắng chung sống vì các con. Bà đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn với hi vọng ông H1 sẽ

thay đổi để gia đình chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, ông H1 không thay đổi mà còn tiếp tục xúc phạm bà, đến chỗ làm của bà chửi bới. Nay bà xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà đã suy nghĩ kỹ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: ông bà có 03 con chung tên Lê Thị Hồng N sinh ngày 09/9/1996, Lê Thị Hồng D sinh ngày 06/9/1999 và Lê Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/6/2012. Từ trước đến nay bà vẫn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con nên nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/6/2012 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, 02 con chung tên Lê Thị Hồng N sinh ngày 09/9/1996 và Lê Thị Hồng D sinh ngày 06/9/1999 đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Lê H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường B, thành phố T thì ông Lê H1 cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lê H1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H1.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê H1 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số xx, do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp ngày xx/yy/zzzz. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà Nguyễn Thị H nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê H1, trong quá trình giải quyết vụ án bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông H1 kết hôn hợp pháp, theo bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông H1 thường chửi bới, xúc phạm bà. Bà đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn với hi vọng ông H1 sẽ thay đổi để gia đình chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, ông H1 không thay đổi mà vẫn tiếp tục xúc phạm bà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà H, ông H1 tại Ủy ban nhân dân phường B và được cung cấp thông tin tại văn bản số 3374/UBND ngày 10/11/2021 như sau: Trong thời gian chung sống tại địa phương giữa bà H, ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn do ông H1 không quan tâm chăm lo cho gia đình. Căn cứ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1197/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) thì có cơ sở xác định bà H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn và sau đó đã rút đơn. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà H, ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần ông H1 đến Tòa nhưng ông H1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông H1. Trong khi đó, bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai cấp ngày xx/yy/zzzz cho Lê Thị Hồng N, giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/zzzz cho Lê Thị Hồng D và giấy khai sinh số xx do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/zzzz cho Lê Nguyễn Hoàng P có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H và ông Lê H1 có 03 con chung tên Lê Thị Hồng N sinh ngày 09/9/1996, Lê Thị Hồng D sinh ngày 06/9/1999 và Lê Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/6/2012.

Xét yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung Lê Nguyễn Hoàng P: Theo văn bản số 3374/UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân phường B thì con chung Lê Nguyễn Hoàng P hiện đang do bà H, ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cả bà H và ông H1 đều có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông H1 về yêu cầu được nuôi con chung của bà H nhưng ông H1 không có ý kiến. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Lê Nguyễn Hoàng P và cháu có nguyện vọng được sống

cùng với mẹ là bà H. Từ những lý do trên nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, giao con chung tên Lê Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/6/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

02 con chung tên Lê Thị Hồng N sinh ngày 09/9/1996, Lê Thị Hồng D sinh ngày 06/9/1999 đã đủ tuổi trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà H xác định không có.

[7] Về án phí: bà H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê H1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Hoàng P sinh ngày 29/6/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

02 con chung tên Lê Thị Hồng N sinh ngày 09/9/1996, Lê Thị Hồng D sinh ngày 06/9/1999 đã đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0059244 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê H1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy

